TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 13 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Triệu Trung Tá.

Thư ký phiên họp: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông L A P, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh L A D; Sinh ngày: ../19..; Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

+ Chị HT P; Sinh ngày: ..; Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp luật là ông M A H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B

Đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Sùng A Sử - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông L A P trình bày:

Ông L A P là bố đẻ của anh L A D trình bày: Anh L A D, sinh ngày 19/3/1990 và chị H T P, sinh ngày 05/6/1989 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 18/3/2008. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh D chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng Ủy ban nhân dân xã B vẫn thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh D và chị P. Việc anh D và chị P đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên ông L A P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh D và chị P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 07, ngày 18/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B, có ý kiến là: Việc đăng ký kết hôn cho anh D và chị P là vi phạm Luật hôn nhân gia đình năm 2000, do cán bộ từ thời trước thực hiện nên lãnh đạo Ủy ban nhân xã cũng không rõ tại sao trước kia lại đăng ký kết hôn cho anh D và chị P. Đại diện UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh D và chị P đều trình bày: Anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2008, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đăng ký kết hôn, anh D chưa đủ tuổi kết hôn đúng như lời khai của ông L A P. Sau khi kết hôn với nhau anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, vì vậy anh chị đã sống ly thân nhau từ 03 năm nay. Nay ông P đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật, quan điểm của anh chị cũng đồng ý. Anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh chị như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị P thuận tình ly hôn, về con chung: Sau khi ly hôn chị P sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L T S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh D sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L A T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh D và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy đinh của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên

họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy đinh của pháp luật; người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 2 Điều 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 228, 238, 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông L A D, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh L A D và chị H T P. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của anh L A D và chị H T P.

Về lệ phí Tòa án: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự cho ông L A P, anh L A D và chị H T P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Ông L A P là bố đẻ của anh L A D nên ông có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh D và chị H T P theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa anh L A D và chị H T P được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, người yêu cầu, những người có quyền lời và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông L A P: Anh L A D được cấp căn cước công dân và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B thể hiện anh D sinh ngày 19/3/1990 và chị H T P, sinh ngày 05/6/1989 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 18/3/2008. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh D mới được 17 tuổi 11 tháng 29 ngày, nên anh chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, việc ông D yêu

cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh D và chị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 07, ngày 18/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh L A D và chị H T P: Hai anh chị đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật. Anh D và chị P từ khi kết hôn chung sống thời gian đầu thì mâu thuẫn, do không hợp tính nhau. Anh chị đã ly thân từ 03 năm nay. Xét thấy, hiện tại hai anh chị đã đủ tuổi kết hôn, tuy nhiên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh chị và anh chị cũng thuận tình ly hôn với nhau. Yêu cầu của anh D và chị P là có căn cứ nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh D và chị P có 02 con chung là cháu L A T, sinh ngày 23/5/2009; cháu L T S, sinh ngày 29/6/2011. Anh D và chị P tự nguyện thỏa thuận như sau: Anh L A D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Còn chị HT P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị P không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông L A P, anh L A D và chị H T P được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8; Điểm a khoản 2 Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 228, 238, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông L A P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh L A D và chị H T P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 07 ngày 18/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh L A D và chị H T P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh L A D và chị HTP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 07 ngày 18/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Về con chung: Giao cháu L A T sinh ngày 25/03/2009 cho anh L A D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu L T S sinh ngày 29/6/2011 cho chị H T P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L A D và chị H T P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con."

4. Về tài sản và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về lệ phí Tòa án: Ông L A P, anh L A D và chị H T P được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QL,NVLQ;
- Chi cục THADS h. Phong Thổ
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Triệu Trung Tá